

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 45/2023/HS-ST

Ngày: 29/11/2023.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hồng Trường.

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Ngô Văn Tuyển.

2/. Ông Nguyễn Văn Hải.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Hoà Bình.

Chức vụ: Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:*

Bà Bùi Thị Thu Hương. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 47/2023/TLST-HS, ngày 15 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44a/2023/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn V; Sinh năm: 1972. Nơi sinh: tỉnh B. Nơi cư trú: Số nhà 158/107 khu phố 11, phường T, quận 12, thành phố H; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Văn B (đã chết) và con bà Bùi Thị L, sinh năm 1938. Bị cáo có vợ là Lê Thị L, sinh năm 1975 và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/9/2023 đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** Ông Lê Quốc Đ. Sinh năm: 1964.

Nơi cư trú: Thôn 11, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Ông Đỗ Đức L. Sinh năm: 1956.

Nơi cư trú: 53/20 đường L, phường T, thành phố B.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Người làm chứng:** Ông Giang Văn L. Sinh năm: 1950.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

Ông Nguyễn Hải L. Sinh năm: 1962 (đã chết)
Nơi cư trú: Thôn 3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
Ông Nguyễn Quốc S. Sinh năm: 1959 (đã chết)
Nơi cư trú: Thôn 8A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/3/1997, ông Giang Văn L, sinh năm 1950, cư trú tại khối 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA Dream II, biển số 47F2-1244, số máy - số khung 0382714 của ông Lê Quốc Đ (con rể ông L, sinh năm 1964 cư trú tại thôn 11, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) đi đám cưới tại khối 2, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Trong khi dự tiệc cưới, ông L làm quen và nhận đồng hương với ông Nguyễn Hải L, sinh năm 1962, cư trú tại thôn 3, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi xong tiệc cưới, ông L rủ ông L về nhà mình chơi (mỗi người đi một xe riêng). Khi cả hai đi đến khu vực chợ E thuộc thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, ông L gặp Phạm Văn V (người quen của ông L), sinh năm 1972, cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh B nên rủ V cùng về nhà chơi. Sau khi về nhà, ông L, ông L và V cùng ngồi uống rượu với nhau, được một lúc thì ông L mệt nên đi nghỉ trước còn ông L và V tiếp tục ngồi uống rượu. Đến khoảng 14 giờ, V rủ ông L vào nhà ông Nguyễn Quốc S, sinh năm 1959, cư trú tại thôn 8A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk chơi. Tại đây, V giới thiệu ông S là bạn của V và tiếp tục uống bia cùng nhau. Do hết bia nên V nói ông L cho mượn xe mô tô biển số 47F2-1244 để đi mua bia, ông L đồng ý. Khi đi, V rủ ông S đi cùng để ngồi sau xách bia còn ông L ở nhà ông S đợi. Trên đường đi, V nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô 47F2-1244 nên khi đi đến chợ km 47, thuộc xã E, huyện K. V nói ông S đứng ở ngoài chờ còn V vào trong chợ mua bia. Sau đó, V điều khiển xe mô tô 47F2-1244 đến thành phố B thuê nhà trọ và sử dụng làm phương tiện đi lại. Khoảng 01 tháng sau, V mang xe mô tô biển số 47F2-1244 (đã tháo biển số) đến gặp Đỗ Đức L, sinh năm 1956, cư trú tại 53/20 đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và nói với L xe mô tô này là xe Cam-Pu-Chia, chưa có giấy tờ Việt Nam và muốn bán cho L với giá 44 chỉ vàng 24K, L đồng ý mua. V và L thỏa thuận: L đưa trước cho V 19 chỉ vàng gồm (12 chỉ vàng và 3.500.000 đồng) khi nào V làm được giấy tờ thì L sẽ trả V 25 chỉ vàng còn lại. Sau khi mua được xe mô tô 47F2-1244, L gắn biển số 47F5-4968 (biển số xe DH 88 của L) vào xe này và sử dụng tham gia giao thông. Đến ngày 17/10/1997, L bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk phát hiện và tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu Dream II số máy - số khung 0382714 (đã tháo biển số). Ngày 28/8/2023, Phạm Văn V đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đầu thú.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐGTS ngày 25/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Giá trị xe mô tô nhãn hiệu HONDA Dream II, biển số 47F2-1244, số máy- số khung 0382714 tại thời điểm bị xâm hại ngày 29/3/1997 là 22.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS-HS, ngày 14/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Phạm Văn V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Văn V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175, Điều 36; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn V từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Do bị cáo làm nghề tài xế, thu nhập không ổn định, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Dream II số máy - số khung 0382714 (đã tháo biển số) cho ông Lê Quốc Đ là chủ sở hữu hợp pháp, trả vào ngày 20/10/1997. Vì vậy, không đề cập giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn V đã bồi thường cho Đỗ Đức L số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), ông L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Vì vậy, không đề cập giải quyết.

Bị cáo Phạm Văn V đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, không có ý kiến tranh luận gì.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo Phạm Văn V đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Các quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn thực tế khách quan. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để chứng minh hành vi của bị cáo Phạm Văn V đã phạm vào tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại Điều 175 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả.

Vận dụng điều luật nêu trên, đối chiếu với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt sao cho thỏa đáng để vừa đề cao được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời qua đó giáo dục riêng đối với bản thân bị cáo, bên cạnh đó còn có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Xét tính chất, hành vi của bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật hình sự, bởi lẽ hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của ông Lê Quốc Đ trái pháp luật, gây hoang mang, bất bình trong cộng đồng dân cư xung quanh, làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

Xét về ý thức: Bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình, bị cáo nhận thức được rằng việc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác là hành vi vi phạm pháp luật. Song xuất phát từ ý thức coi thường pháp luật, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, truy tố và đưa ra xét xử bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Không

Tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo: Ngày 28/8/2023 bị cáo đã tự nguyện đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc đầu thú để được hưởng chính

sách khoan hồng của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, gây thiệt hại không lớn, bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đức L số tiền 25.000.000 đồng nhằm khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, đã được ông L làm đơn xin bãi nại và xin giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Bị cáo xuất thân từ thành phần lao động, có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự để xem xét trong quá trình lượng hình đối với bị cáo, thể hiện tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật nhà nước ta đối với người phạm tội. Thiết nghĩ, không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú kết hợp cùng với gia đình giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành một người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Trong quá trình điều tra xác định: Khi mua xe mô tô biển số 47F2-1244, ông Đỗ Đức L không biết nguồn gốc xe mô tô do bị cáo phạm tội mà có, bị cáo không nói cho L biết. Do đó, không xem xét xử lý hình sự đối với L.

Ông Nguyễn Quốc S, sau đổi tên thành Nguyễn Văn S (đã chết) đi mua bia cùng bị cáo V. Tuy nhiên, ông S không biết bị cáo này sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 47F2-1244 nên không xem xét xử lý đối với ông S.

Đối với chủ sở hữu xe mô tô biển số 47F2-1244. Quá trình xác minh của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Pắc xác định: Đối với bị hại ông Lê Quốc Đ không còn cư trú tại thôn 11, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Người làm chứng ông Giang Văn L không cư trú tại tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, không xác định được ông L và ông Đ đang ở đâu, làm gì do đó không làm việc được với ông L và ông Đ.

[3] Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng: Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Dream II số máy - số khung 0382714 (đã tháo biển số) cho ông Lê Quốc Đ là chủ sở hữu hợp pháp, trả vào ngày 20/10/1997. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn V đã bồi thường cho Đỗ Đức L 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), ông L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Phạm Văn V phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc truy tố bị cáo Phạm Văn V về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức đề nghị về hình phạt, về trách nhiệm dân sự, về vật chứng là hoàn toàn có căn cứ pháp lý, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 36 Bộ luật hình sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn V 02 (Hai) năm cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an quận 12, thành phố Hồ Chí Minh nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án của Tòa án.

Giao bị cáo Phạm Văn V về cho Ủy ban nhân dân phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh kết hợp cùng với gia đình giám sát, giáo dục.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo, do bị cáo làm nghề tài xế, thu nhập không ổn định.

Các biện pháp tư pháp:

- Về vật chứng: Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Dream II số máy - số khung 0382714 (đã tháo biển số) cho ông Lê Quốc Đ là chủ sở hữu hợp pháp, trả vào ngày 20/10/1997. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Văn V đã bồi thường cho Đỗ Đức L số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng), ông L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- **Về án phí:** Buộc bị cáo Phạm Văn V phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND Tối cao.
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk.
- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- Công an huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.
- UBND phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Phạm Hồng Trường